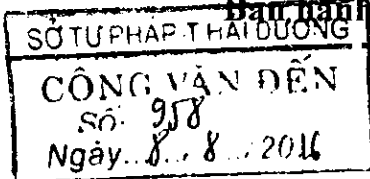


Số: 23/2016/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức QĐP số 77/2015/QH13 ngày 19-6-2015;

Căn cứ Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về quản lý thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Thông tư 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hải Dương”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các CV: Đông, Trọng Hải, Hùng, Thư;
- Lưu: VT, (400b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

QUY ĐỊNH

**quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23/2016/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Hải Dương)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
2. Hoạt động thoát nước và xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi tuân thủ theo các quy định về thoát nước và xử lý nước thải của ngành Nông nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Hải Dương; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động thoát nước và xử lý nước thải là các hoạt động về quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.
2. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) là các hoạt động về quản lý, vận hành các công trình hệ thống thoát nước, xử lý nước thải nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải theo các quy định của pháp luật.
3. Đơn vị thoát nước là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng các công trình hệ thống thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành với chủ sở hữu tài sản hệ thống thoát nước.
4. Hộ thoát nước là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, người nước ngoài sinh sống và hoạt động trên địa bàn tỉnh Hải Dương xả nước thải, tiêu thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước.
5. Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường.
6. Nước thải sinh hoạt là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...
7. Nước thải khác là nước đã qua sử dụng mà không phải là nước thải sinh hoạt.

8. Hệ thống thoát nước gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), đập ngăn triều, đê ngăn lũ, các trạm bơm thoát nước mưa, các giếng tách dòng, các trạm bơm nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát, lưu giữ điều hòa nước mưa, chống ngập úng, thu gom nước và xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước được chia làm các loại sau đây:

a) Hệ thống thoát nước chung là hệ thống trong đó nước thải, nước mưa được thu gom trong cùng một hệ thống mạng lưới cống;

b) Hệ thống thoát nước riêng là hệ thống mạng lưới cống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt;

c) Hệ thống thoát nước nửa riêng là hệ thống thoát nước chung có các giếng tách dòng và tuyến cống bao để tách nước thải đưa về nhà máy xử lý.

9. Hệ thống thoát nước mưa bao gồm mạng lưới cống, kênh mương thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa lưu giữ nước mưa, các trạm bơm nước mưa, cửa thu, giếng thu nước mưa, cửa xả, các đập ngăn triều, ngăn lũ, các đê ngăn lũ và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích tiêu thoát nước mưa, chống ngập úng.

10. Hệ thống thoát nước thải bao gồm các hộp đấu nối hệ thoát nước, mạng lưới cống, giếng tách dòng, đường cống chuyển tải nước thải, trạm bơm nước thải, nhà máy xử lý nước thải, cửa xả,... và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý ra môi trường.

11. Cống bao là tuyến cống chuyển tải nước thải từ các giếng tách dòng đến các trạm bơm nước thải để sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý nước thải.

12. Hồ điều hòa là các hồ tự nhiên hoặc nhân tạo có chức năng tiếp nhận, lưu giữ và điều hòa tiêu thoát nước mưa cho hệ thống thoát nước.

13. Hộp đấu nối là các điểm đầu tiên của hệ thống thoát nước, đấu nối với các hệ thoát nước, tiếp nhận nước mưa, nước thải của các hệ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

14. Điểm đấu nối là các điểm xả nước của các hệ thoát nước vào hệ thống thoát nước thông qua hộp đấu nối.

15. Điểm xả là nơi xả nước từ hệ thống thoát nước ra nguồn tiếp nhận.

16. Nguồn tiếp nhận là các nguồn nước chảy thường xuyên hoặc định kỳ như sông suối, kênh, ao hồ, đầm phá.

17. Lưu vực thoát nước là một khu vực nhất định mà nước mưa hoặc nước thải được thu gom vào mạng lưới thoát nước và chuyển tải về nhà máy xử lý nước thải hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

18. Bùn thải là bùn hữu cơ và vô cơ được nạo vét, thu gom từ các bể tự hoại, mạng lưới đường cống thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, kênh mương, cửa thu, giếng thu nước mưa, trạm bơm nước mưa, trạm bơm nước thải, cửa xả và nhà máy xử lý nước thải.

Điều 4. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. UBND tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) là chủ sở hữu hệ thống thoát nước trên địa bàn quản lý đối với hệ thống thoát nước đô thị gồm:

- a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.
 - b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị, khu dân cư mới.
 - c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình hệ thống thoát nước có thời hạn.
2. UBND tỉnh ủy quyền cho UBND xã là chủ sở hữu hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung và làng nghề đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.
 3. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.
 4. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc chung quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải được thiết kế và xây dựng đồng bộ. Trong trường hợp hạn hẹp về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư theo lưu vực ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, bao gồm cả các công trình xử lý bùn cặn. Ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.
2. Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải sau khi xây dựng xong phải được giao cho đơn vị chuyên nghiệp để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng.
3. Người sử dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải phải trả tiền dịch vụ; nguồn thu từ giá sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đáp ứng từng bước và tiến tới bù đắp hoàn toàn chi phí dịch vụ thoát nước.
4. Giá dịch vụ thoát nước do Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định có tính đến đối tượng, loại hình và mức độ ô nhiễm của nước thải xả vào hệ thống thoát nước và khả năng chi trả, hay điều kiện kinh tế xã hội của các hộ thoát nước.
5. Nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật khác có liên quan.
6. Khuyến khích và huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư, quản lý, vận hành duy tu bảo dưỡng các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục I

QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 6. Quy hoạch hệ thống thoát nước

Quy hoạch hệ thống thoát nước thực hiện theo Điều 5 Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06-8-2014 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 80/2014/NĐ-CP).

Điều 7. Đầu tư phát triển hệ thống thoát nước

1. Kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thoát nước:

a) Phải đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 12, Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

b) Việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống thoát nước thực hiện theo Khoản 3, Điều 12 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Đối với hệ thống thoát nước thành phố, thị xã, thị trấn: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Đối với hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

c) Nhà nước khuyến khích và có chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư theo quy định tại Điều 15, Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

3. Chủ đầu tư công trình thoát nước: Thực hiện theo Điều 11 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

4. Việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước phải tuân theo Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Quy định về bàn giao đưa vào quản lý vận hành các công trình dự án đầu tư phát triển thoát nước

1. Các công trình thoát nước được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

a) Công trình thoát nước trước khi đưa vào quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phải được tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình theo đúng quy định hiện hành và được đơn vị chủ sở hữu hệ thống thoát nước theo phân cấp kiểm tra, xác nhận bằng văn bản công trình không có vật cản gây tắc dòng chảy, đảm bảo điều kiện đưa vào vận hành khai thác sử dụng.

b) Khi bàn giao toàn bộ hoặc bộ phận công trình thoát nước, chủ đầu tư phải bàn giao hồ sơ hoàn công công trình với các thành phần sau:

- Bàn giao cho Sở Xây dựng: Bản vẽ hoàn công, các văn bản pháp lý chính có liên quan, kèm theo đĩa mềm ghi nội dung bản vẽ hoàn công

- Bàn giao cho chủ sở hữu: Toàn bộ hồ sơ hoàn công, bao gồm bản vẽ hoàn công, hồ sơ pháp lý, tài liệu quản lý chất lượng, quy trình quản lý vận hành, bảo trì công trình, kèm theo đĩa mềm ghi các nội dung hồ sơ hoàn công.

2. Các công trình thoát nước, xử lý nước thải được đầu tư xây dựng bởi các chủ đầu tư sử dụng nguồn vốn không phải vốn nhà nước:

a) Ngay sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thoát nước có hoặc không có đầu nối vào hệ thống thoát nước chung đều phải tiến hành bàn giao cho chủ sở hữu hệ thống thoát nước và đơn vị thoát nước để quản lý vận hành. Trường hợp chậm trễ bàn giao, công trình xuống cấp không bảo đảm thoát nước, chủ đầu tư phải tiến hành sửa chữa, nạo vét đảm bảo kỹ thuật trước khi bàn giao;

b) Hồ sơ bàn giao được thực hiện như mục b, khoản 1, Điều 8.

Mục II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 9. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Các công trình của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải của một đô thị phải được thống nhất quản lý vận hành bởi một đơn vị thoát nước. Trường hợp có từ hai đơn vị thoát nước trở lên cùng quản lý vận hành các công trình của một hệ thống thoát nước đô thị thì Ủy Ban nhân dân cấp huyện phải ban hành cơ chế điều phối giữa các đơn vị hoặc tổ chức bàn giao cho một đơn vị quản lý vận hành.

2. Lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo Điều 17, Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 10. Hợp đồng và chuyển nhượng hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước

a) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

b) Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03-4-2015 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06-8-2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau đây viết tắt là Thông tư 04/2015/TT-BXD).

c) Giá hợp đồng sẽ được xem xét hàng năm trên cơ sở khối lượng công việc và đơn giá nhân công, ca máy, vật tư, hóa chất, giá điện có thay đổi. Trước tháng 10 hàng năm, hai Bên ký kết hợp đồng sẽ tiến hành xác định khối lượng công việc, áp giá nhân công, ca máy, vật tư, hóa chất, giá điện để tính giá trị của hợp đồng, trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở ký kết hợp đồng cho năm tiếp theo.

2. Chuyển nhượng hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước thực hiện theo khoản 6, Điều 19 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 11. Quy định về quản lý hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu, đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước và các công trình của hệ thống thoát nước.

2. Các đơn vị được giao quản lý kênh, mương, hồ điều hòa phục vụ cho việc thoát nước phải bảo vệ, chống lấn chiếm, san lấp, làm hư hại hệ thống thoát nước; trường hợp phát hiện các tổ chức, cá nhân vi phạm phải có biện pháp ngăn chặn, đồng thời nếu cần thiết phải báo ngay cho cấp có thẩm quyền xử lý.

3. Nội dung quản lý hệ thống thoát nước gồm: hệ thống thoát nước mưa; hệ thống hồ điều hòa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận phải thực hiện theo quy định tại các Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 26 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các công trình theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP có liên quan đến hệ thống thoát

nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phải có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trong việc đảm bảo yêu cầu về thoát nước, chống úng ngập.

Điều 12. Quản lý xử lý nước thải phi tập trung

Giải pháp xử lý nước thải phi tập trung áp dụng đối với đối tượng nêu tại Khoản 1, Điều 23, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Căn cứ tình hình cụ thể ở địa phương, UBND cấp huyện xác định cụ thể từng khu vực và lựa chọn giải pháp, công nghệ xử lý phi tập trung nêu tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Thông tư 04/2015/TT-BXD.

Điều 13. Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước; bùn thải từ bể tự hoại; sử dụng nước thải sau xử lý

1. Các quy định về quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước; quản lý bùn thải từ bể tự hoại thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

2. Các quy định về quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

3. Trong một đô thị có thể có một hoặc nhiều đơn vị hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại. Việc hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải bể tự hoại phải được đăng ký và quản lý chặt chẽ, nội dung quản lý thực hiện theo Điều 3, Thông tư 04/2015/TT-BXD.

Điều 14. Quy định đầu nối vào hệ thống thoát nước

1. Quy định về điểm đầu nối:

a) Điểm đầu nối là điểm xả của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước chung. Tại điểm đầu nối xây dựng hộp đầu nối. Điểm đầu nối do chủ sở hữu (hoặc đơn vị thoát nước) đầu tư xây dựng từ nguồn vốn của chủ sở hữu hệ thống thoát nước. Điểm đầu nối nằm trên tuyến thu gom của hệ thống thoát nước chung.

b) Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư hệ thống thu gom nước mưa, nước thải trong ranh giới đất của hộ thoát nước đến điểm đầu nối. Mỗi hộ thoát nước chỉ được đầu nối vào hệ thống thoát nước tại một điểm (nếu là hệ thống thoát nước chung hoặc nửa riêng) hoặc tại hai điểm (nếu có hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải tách riêng).

c) Khi chưa có dự án đầu tư lớn thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước trong khuôn khổ ngân sách hàng năm và huy động thêm đóng góp của các hộ thoát nước, ưu tiên đầu tư xây dựng trên khuôn khổ ngân sách được phân bổ hàng năm và huy động thêm đóng góp của các hộ thoát nước, ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống cống cấp 3 tới các hộp đầu nối, đặc biệt đối với các hộ thoát nước ở trong các ngõ ngách.

d) Khuyến khích các hộ thoát nước là hộ gia đình, cá nhân lân cận trên cùng tuyến thu gom đầu tư, xây dựng chung tuyến cống thu gom vận chuyển nước thải, nước mưa đến điểm đầu nối sau khi có thỏa thuận của chủ sở hữu hoặc đơn vị thoát nước.

đ) Đơn vị thoát nước căn cứ vào quy định quản lý cao độ nền đô thị, cao độ của hệ thống thoát nước quy định tại Điều 6 Nghị định 80/2014/NĐ-CP để xác định cao độ điểm đầu nối; cung cấp cao độ điểm đầu nối cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

e) Tổ chức đầu nối:

- Các hộ thoát nước là hộ gia đình, cá nhân thuê đơn vị thoát nước thực hiện đầu nối hoặc tự thực hiện đầu nối sau khi có thỏa thuận của chủ sở hữu hoặc đơn vị thoát nước;

- Các hộ thoát nước khác phải thuê đơn vị thoát nước thực hiện đầu nối.

2. Phạm vi, đối tượng đầu nối:

a) Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới thoát nước là đối tượng phải đầu nối theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 30 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

b) Nước thải sinh hoạt được phép xả thải trực tiếp vào điểm đầu nối theo quy định tại Khoản 1, Điều 32 Nghị định 80/2014/NĐ-CP; đối với các loại nước thải khác xả thải vào điểm đầu nối theo quy định tại Khoản 2, Điều 32 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

3. Yêu cầu kỹ thuật điểm đầu nối và hộp đầu nối:

a) Cao độ của điểm đầu nối phải thấp hơn cao độ tuyến cống thoát nước trong phạm vi đất của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào.

b) Tại vị trí điểm đầu nối phải bố trí hộp đầu nối theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 và Khoản 1, Điều 31 Nghị định 80/2014/NĐ-CP. Yêu cầu hộp đầu nối phải đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đầu nối; đồng thời thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng khi cần thiết.

c) Một hộp đầu nối có thể đáp ứng cho một hoặc nhiều điểm đầu nối. Đơn vị thoát nước thực hiện thiết kế, xây dựng, sửa chữa hộp đầu nối.

4. Chi phí đầu nối và hỗ trợ đầu nối

a) Chi phí đầu nối bao gồm các chi phí: Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, lắp đặt ống, phụ kiện và hoàn trả mặt bằng từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nối.

b) Thực hiện dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến cống cấp 3 dẫn tới việc phải đầu nối lại tại các điểm đầu nối đã có từ trước thì chi phí cho việc đầu nối nằm trong dự án đầu tư.

c) Đầu nối mới hoặc cải tạo lại các điểm đầu nối vào tuyến cống đã có từ trước do các hộ thoát nước đề nghị thì chi phí đầu nối do các hộ thoát nước tự chịu.

d) Đối tượng được hỗ trợ đầu nối thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 34 Nghị định 80/2014/NĐ-CP. UBND cấp huyện căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương quyết định phương thức hỗ trợ, mức hỗ trợ.

Điều 15. Quyền trách nhiệm các bên liên quan và cơ chế phối hợp trong công tác đầu nối

1. Chủ sở hữu công trình thoát nước trực tiếp thỏa thuận đầu nối hoặc giao nhiệm vụ cho đơn vị thoát nước thỏa thuận đầu nối với các hộ thoát nước.

2. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm cung cấp thông tin, thỏa thuận đấu nối và giám sát việc đấu nối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; ký hợp đồng khảo sát, thiết kế, lập dự toán và thi công đấu nối với hệ thoát nước theo hợp đồng.

3. Hệ thoát nước có trách nhiệm ký hợp đồng thuê đơn vị thoát nước thực hiện việc đấu nối. Trường hợp hệ thoát nước được tự thực hiện đấu nối thì phải xin thỏa thuận đấu nối với chủ sở hữu hoặc đơn vị thoát nước trước khi thi công.

Điều 16. Lập, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu có trách nhiệm tổ chức lập và quản lý hệ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước do mình quản lý.

2. Khi bàn giao chủ sở hữu hệ thống thoát nước từ các dự án khu đô thị, khu dân cư mới do các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng thực hiện theo Điều 8, Quy định này.

3. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm cung cấp hệ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước cho đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

4. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm cập nhật dữ liệu hệ thống thoát nước trong phạm vi được giao quản lý, vận hành.

5. Hồ sơ cơ sở dữ liệu gồm:

- Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước;
- Hồ sơ hiện trạng hệ thống, các công trình trong hệ thống thoát nước;
- Quy trình vận hành, bảo trì hệ thống và các công trình trong hệ thống thoát nước;
- Các hồ sơ sổ sách, thông tin quản lý, theo dõi về hệ thống thoát nước.

Mục III DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 17. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước

1. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước thể hiện ở một số nội dung sau:

a) Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước mưa:

- Phạm vi và mức độ dịch vụ;
- Khả năng và mức độ tiêu thoát: Mức độ ứng ngập, thời gian ứng ngập tối đa ứng với tần suất ứng ngập từng khu vực;
- Quy trình vận hành, bảo trì, sửa chữa;
- Xử lý bùn thải (theo Điều 2 Thông tư 04/2015/TT-BXD).

b) Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước thải:

- Phạm vi và mức độ dịch vụ;
- Khả năng, mức độ tiêu thoát;
- Chất lượng nước thải sau xử lý;
- Quy trình vận hành, bảo trì, sửa chữa;
- Xử lý bùn thải (theo Điều 2 Thông tư 04/2015/TT-BXD).

2. Đơn vị thoát nước xây dựng tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước trình chủ sở hữu chấp thuận làm cơ sở ký hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thoát nước.

Điều 18. Lập, thẩm định và phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước

1. Nội dung và nguyên tắc tính chi phí dịch vụ thoát nước thực hiện theo Điều 36, Điều 37 Nghị định 80/2014/NĐ-CP; phương pháp tính chi phí dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 2, Thông tư 02/2015/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

2. Đối với hệ thống thoát nước tại các đô thị sử dụng vốn ngân sách nhà nước: UBND cấp huyện tổ chức lập dự toán chi phí dịch vụ thoát nước; Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Đối với hệ thống thoát nước các cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung: chủ sở hữu hệ thống thoát nước lập dự toán chi phí dịch vụ thoát nước trình UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt.

4. Đối với hệ thống thoát nước do các tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư: việc lập, thẩm định và phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước do tổ chức cá, cá nhân tự quyết định.

5. Chi phí dịch vụ thoát nước là căn cứ để ký kết hợp đồng quản lý vận hành hàng năm giữa đơn vị thoát nước với chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

6. Trước tháng 10 hàng năm, chủ sở hữu phối hợp với đơn vị thoát nước tiến hành xác định khối lượng công việc, áp giá nhân công, ca máy, vật tư, hóa chất, giá điện để lập chi phí dịch vụ thoát nước cho năm tiếp theo, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

Điều 19. Xác định khối lượng nước thải

1. Nước thải sinh hoạt:

a) Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: Khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước.

b) Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung:

- Các hộ thoát nước làm việc hoặc ở cả ngày đêm, trường mầm non, hộ gia đình, cá nhân: Khối lượng nước thải được tính 100 lít/người/ngày đêm đối với khu vực đô thị, 80 lít/người/ngày đêm đối với khu vực nông thôn;

- Các hộ thoát nước là cơ quan, đơn vị sự nghiệp, trường đào tạo, trường phổ thông không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: Khối lượng nước thải được tính 40 lít/người/ngày đêm đối với khu vực đô thị, 30 lít/người/ngày đêm đối với khu vực nông thôn.

2. Nước thải khác: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 39 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 20. Xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải để xác định giá dịch vụ thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định 80/2014/NĐ-CP. Hàm lượng chất gây ô nhiễm theo chỉ tiêu COD làm cơ sở tính giá dịch vụ thoát nước (đối với hộ thoát nước xả nước thải không phải nước thải sinh hoạt).

Điều 21. Giá dịch vụ thoát nước và lộ trình thực hiện

1. Việc định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo Điều 3, Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02-4-2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

2. Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo quy định tại Điều 41 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải.

3. Dựa trên điều kiện kinh tế xã hội ở địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lộ trình thực hiện giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, hướng tới thu hồi hoàn toàn chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

4. Trường hợp giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải do UBND tỉnh quyết định thấp hơn mức giá đã được tính đúng, tính đủ các chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, lợi nhuận hợp lý thì Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp bù từ ngân sách địa phương để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Đơn vị thoát nước.

Điều 22. Đối tượng, phương thức thu và sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước

1. Đối tượng thu giá dịch vụ thoát nước:

a) Hộ thoát nước thuộc đối tượng bắt buộc đấu nối vào điểm đấu nối của hệ thống thoát nước phải thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thoát nước hàng tháng.

b) Hộ thoát nước không thuộc đối tượng bắt buộc đấu nối vào hệ thống thoát nước thì có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Việc thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Hộ thoát nước đã thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải hàng tháng thì không phải trả phí bảo vệ môi trường.

2. Phương thức thu:

a) Đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì đơn vị cấp nước thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước.

b) Đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung (ở khu vực đã có đơn vị thoát nước vận hành, quản lý) thì đơn vị thoát nước phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) tổ chức thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước.

3. Quản lý và sử dụng tiền thu từ dịch vụ thoát nước

Tiền thu được từ dịch vụ thoát nước sẽ được sử dụng để chi trả cho hợp đồng quản lý vận hành với chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 23. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có nước xả thải là nước sinh hoạt thì không phải ký hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước.

2. Đối với các hộ thoát nước khác: phải ký hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước giữa hộ thoát nước với đơn vị thoát nước.

3. Mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03-4-2015 của Bộ Xây dựng.

Điều 24. Ngừng dịch vụ thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và được thể hiện cụ thể trong hợp đồng dịch vụ thoát nước.

Chương III TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 25. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với toàn bộ hoạt động thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp Sở Tài chính:

- Thẩm định chi phí dịch vụ thoát nước đối với đô thị đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ vốn khác;

- Thỏa thuận giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp với chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước đô thị theo quy định.

đ) Hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn việc lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương.

e) Cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước.

f) Thanh tra, kiểm tra về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành liên quan, kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực cụ thể.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng:

- Thẩm định chi phí dịch vụ thoát nước đối với đô thị đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn khác;

- Thỏa thuận giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp với chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

b) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ ngân sách nhà nước, trình UBND tỉnh quyết định.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

a) Trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi khu công nghiệp.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước thải trong khu vực do mình quản lý theo quy định.

c) Kiểm tra việc xây dựng theo quy hoạch của đơn vị kinh doanh hạ tầng trong khu vực do mình quản lý đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch được duyệt.

4. Các sở, ngành của tỉnh có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ đã được pháp luật quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn.

2. Tổ chức lập quy hoạch chuyên ngành hệ thống thoát nước các đô thị; phê duyệt quy hoạch chuyên ngành thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề.

3. Tổ chức lập chi phí dịch vụ thoát nước đối với đô thị trình Sở Tài chính thẩm định.

4. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước đối với khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề trên địa bàn.

5. Lựa chọn, thương thảo, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị thoát nước có đủ năng lực để thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình làm chủ sở hữu.

6. Tổ chức lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01(một) bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, các bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng (nếu có). Trong trường hợp không có các bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước, chủ sở hữu tài sản hoặc đại diện chủ sở hữu tài sản sẽ tiến hành khảo sát thống kê, xác định vị trí, kích thước cơ bản, đánh giá tình trạng vật chất, đánh giá giá trị còn lại của tài sản. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ chủ sở hữu tài sản thực hiện nhiệm vụ khảo sát thống kê này nhằm lập bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước.

7. Phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đầu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước.

8. Tổ chức giám sát, nghiệm thu khối lượng và thanh toán tiền cho đơn vị thoát nước theo giá hợp đồng và khối lượng thực hiện.

9. Hướng dẫn thủ tục tiếp nhận chủ sở hữu đối với khu dân cư nông thôn tập trung chuyển thành đô thị.

10. Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu về thoát nước đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn quản lý theo quy định.

11. Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 27. Trách nhiệm của UBND cấp xã

Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải. Trong quá trình kiểm tra phát hiện những vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải phải báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

Điều 28. Trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Thiết lập quy trình quản lý vận hành hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải (nội dung tuân thủ theo Điều 20 và Điều 22 Nghị định 80/2014/NĐ-CP).

2. Thiết lập quy trình quản lý và khai thác, sử dụng hồ điều hòa (theo Khoản 6, Điều 21, Nghị định 80/2014/NĐ-CP).

3. Thiết lập cơ sở dữ liệu, quản lý các hộ thoát nước đấu nối vào hệ thống thoát nước do mình quản lý

4. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo Điều 18 Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 29. Trách nhiệm của hộ thoát nước

1. Thực hiện trách nhiệm theo Khoản 2, Điều 29 Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tự đầu tư toàn bộ đường ống thoát nước và công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đấu nối; hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công.

3. Thông báo thời điểm thi công đấu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đấu nối đúng quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất, trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./. *lxa*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái